VOCABULARY:

1. Lược
2. Đồng hồ đeo tay :
3. Dù;
4. Từ điển
5. Phong bì
6. Kéo
7. Tạp chí
8. Quà
9. Kính
10. Trượt ván trên tuyết
11. Lâu đài
12. Bóng chuyền
13. Giấy
14. Tổ chức
15. Cầu chúc điều may :

SPEAKING :

1. Mọi người tổ chức Tết vào tháng 1 hoặc tháng 2

People ……..Tet in January or February

2. Họ mua hoa để trang trí nhà

They buy flowers ……the house

3. Người miền Nam mua hoa mai

People in Southern Viet Nam buy ……blossoms

4. Người miền Bắc mua hoa đào

People in ……..Viet Nam buy ……

5. Trước Tết họ lau chùi đồ dùng.

……Tet, They ……furniture

6. Họ đi mua sắm để mua dồ ăn và áo quần mới

They go shopping ……food and ……

7. Mọi người cho trẻ tiền lì xì

People ……

8. Nhiều người đi đến chùa để cầu điều may

Many people go to the pagoda ……

9. Vào dịp tết họ ăn nem rán, bánh chưng , xôi và gà

LIVEWORKSHEETS

At Tet , They …….spring rolls, ……., sticky ……and ……..

10. Họ thăm họ hàng và chúc nhau điều tốt đẹp.

They ……..and make wishes to ……

VOCABULARY : MATCH THE WORDS TO THEIR MEANINGS

cathedral	Sân vận động
square	Phòng trưng bày
Art gallery	Bưu điện
Post office	Trung tâm mua sắm
stadium	Quảng trường
Shopping centre	Nhà thờ lớn

fantastic	Thuận tiện, tiện nghi
convenient	Yên bình
peaceful	Tuyệt vời
crowded	Sôi động
exciting	Nhộn nhịp
busy	Đông đúc

Make the comparision :

big	bigger
cheap	
busy	
quiet	
peaceful	
expensive	
exciting	

LIVEWORKSHEETS

noisy crowded quiet peaceful modern busy boring

Example: Binh Minh is noisier than Long Son.



Binh Minh



Long Son

00:00 / 03:00

Make sentences between Binh Minh and Long SOn
Noisy - noisier ồn ào hơn, crowded - more crowded : đông đúc hơn, quiet - quieter : yên tĩnh hơn
Modern - more modern : hiện đại hơn,

1. Binh Minh is .....than Long Son (noisy)
2. Binh Minh is .....than Long Son (crowded)
3. Binh Minh is .....than Long Son (modern)
4. Binh Minh is .....than Long Son(busy)
5. Long Son is .....than Binh Minh. (quiet)
6. Long Son is .....than Binh Minh. (peaceful)
7. Long Son is .....than Binh Minh.(boring)

LIVEWORKSHEETS